

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LM  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST  
Ngày: 22/7/2022  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản và  
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Thanh Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Âu Cần Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 5, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Đ – Công ty TNHH MTV Bảo Gia & Cộng sự - thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Địa chỉ: số 02N, đường MT, phường AN, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 3, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Lê N, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HH, xã HL, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 3, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

Theo tờ thế chấp (không ghi cụ thể ngày lập), bà D cho rằng lập ngày 07/01/2015, bà D có cho bà U vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay, bà U có giao cho bà D giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04084, do Ủy ban nhân dân huyện LM cấp ngày 10/10/2013 cho bà Nguyễn Thị U. Theo yêu cầu khởi kiện, bà D cho rằng từ ngày 07/02/2015 đến ngày 07/8/2015 bà U có trả lãi cho bà D được 07 lần lãi với số tiền 21.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà D cho rằng bà U chỉ trả được 06 lần lãi với số tiền là 18.000.000 đồng.

Sau ngày 07/8/2015 đến nay bà U không đóng lãi và trả lại vốn cho bà D như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U trả số tiền 360.420.000 đồng, trong đó tiền vốn là 150.000.000 đồng và lãi là 210.420.000 đồng, lãi tính từ ngày 08/8/2015 đến ngày xét xử.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:* Ngày 07/01/2015, bà U có vay của bà D số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01 tháng 3.000.000 đồng/150.000.000 đồng/tháng và không xác định thời gian trả cụ thể. Từ khi vay đến nay bà U có trả lãi cho bà D được 07 tháng tiền lãi là 21.000.000 đồng, bắt đầu đóng lãi từ ngày 07/02/2015. Khi vay tiền bà U có viết tờ thế chấp và giao cho bà D giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04084, cấp ngày 10/10/2013 do bà U đứng tên. Sau khi đóng lãi được 07 lần thì bà U không có đóng lãi và trả gốc cho bà D nên phát sinh tranh chấp.

Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30/5/2022, bà U thống nhất trả cho bà D số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng. Nếu bà D không đồng ý số lãi nêu trên thì bà U yêu cầu trả lãi cho bà D theo quy định pháp luật từ ngày bà U vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày xét xử. Bà U yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà U không yêu cầu bà D trả lại. Nếu sau này bà U

trả hết nợ nhưng bà D không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U thì bà U sẽ khởi kiện bà D thành vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Lê N trình bày: Thống nhất bà U có vay của bà D số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, xác định lại thời hạn vay là 12 tháng. Thống nhất ngày vi phạm nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn là ngày 08/8/2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền vay, trong đó không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 08/8/2015 đến ngày 30/5/2022, thống nhất trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 31/5/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 20%/tháng.

*Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà V là mẹ ruột của bà U. Trước đây (không nhớ thời gian cụ thể), bà V có ký tên vào “Tờ thế chấp” thể hiện nội D đóng lãi dùm cho bà U, không nhớ đã đóng bao nhiêu lần. Đối với vụ án này, bà V không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà U đã thừa nhận nợ đối với nguyên đơn theo biên bản ngày 30/5/2022. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, Luật sư đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời đình chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 08/8/2015 đến 30/5/2022, ghi nhận việc bị đơn tự nguyện trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 31/5/2022 đến thời điểm xét xử. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí do là người cao tuổi, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay theo biên nhận nợ; bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản nợ vay, đồng thời bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM. Do đó, đây là “Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã LM, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 08/8/2015 đến ngày 30/5/2022. Hội đồng xét xử nhận định, yêu cầu này của đại diện bị đơn đưa ra trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án là phù hợp với quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền bị đơn.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị V.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và bà V khai thống nhất số lần, số tiền đã trả lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa giữa nguyên đơn và đại diện bị đơn không thống nhất số lần bà V trả lãi dùm cho bị đơn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tư cách tham gia tố tụng của bà V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội D:

[2.1] Về số tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp “Tờ thế chấp” thể hiện bị đơn có nợ 150.000.000 đồng tiền gốc của nguyên đơn. Mặc dù, “Tờ thế chấp” không thể hiện ngày lập, tuy nhiên cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, số tiền vay được xác lập vào ngày 07/01/2015. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thống nhất trả 150.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định việc bà Nguyễn Thị U đã nhận nợ của bà Lê Thị Mỹ D số tiền gốc 150.000.000 đồng là sự thật.

[2.2] Về lãi suất:

Các đương sự thống nhất mức lãi suất cho vay là 2%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm từ ngày 08/8/2015 đến thời điểm xét xử là 210.420.000 đồng. Theo biên bản lấy khai ngày 30/5/2022, bà Nguyễn Thị U thống nhất trả cho bà D 50.000.000 đồng tiền lãi, nếu bà D không đồng ý thì yêu cầu tính lãi theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, chỉ thống nhất trả lãi

cho nguyên đơn từ ngày 31/5/2022 đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất là 20%/năm.

Hội đồng xét xử nhận định, các đương sự và Luật sư đều thống nhất, ngày 07/8/2015 bà Nguyễn Thị U đã ngưng đóng lãi, ngày 08/8/2015 là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn, đây cũng là ngày nguyên đơn phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Giao dịch của các bên phát sinh trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”. Đồng thời, căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng có nhiều lần đến nhà bà U đòi nợ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh để xác định thời gian bà U thừa nhận nợ, đồng thời lời trình bày này của nguyên đơn cũng không được bị đơn thừa nhận.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/5/2022, bà Nguyễn Thị U đã thừa nhận toàn bộ nợ gốc và thống nhất trả lãi cho bà D, căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện lại vụ án dân sự, trong trường hợp này, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại từ ngày 31/5/2022, tức kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện bị đơn thừa nhận nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, thời hiệu khởi kiện đã hết trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2015 đến ngày 30/5/2022. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ ngày 08/8/2015 đến ngày 30/5/2022.

Đồng thời tại phiên tòa, đại diện bị đơn thống nhất trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 31/5/2022 đến thời điểm xét xử 22/7/2022. Lời trình bày này của đại diện theo ủy quyền bị đơn phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận việc tính lãi từ ngày 31/5/2022 đến thời điểm xét xử 22/7/2022.

Về mức lãi suất, các bên thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng là cao so với quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn, Luật sư và đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất áp dụng mức lãi suất 20%/năm. Do đó, tiền lãi được tính như sau:

$150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 4.248.300 \text{ đồng}.$

[2.3] Đối với việc bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn: Mặc dù, tại phiên tòa các đương sự không thống nhất số lần, số tiền đã đóng nhưng các đương sự

đều không yêu cầu tính lãi lại đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và 4.248.300 đồng tiền lãi.

[3] Đối với việc bà D đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04084, cấp ngày 10/10/2013 do bà U đứng tên, nhận thấy, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu giải quyết đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trên số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu liên quan đến các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên do bà D đang giữ bản gốc.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định, bà D được miễn án phí do là người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D số tiền 154.248.300 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm đồng), trong đó có 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 4.248.300 đồng (Bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D được nhận lại số tiền 9.375.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004042 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.712.415 đồng (Bảy triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bốn trăm mười lăm đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thanh Quyền**

